TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Duy Hiếu;
2. Ông Chau Khiêng Sóc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoài Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2020 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX- DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Néang Chanh L, sinh năm: 1995;

Bị đơn: Ông Chau S, sinh năm: 1994.

Cùng cư trú: Tổ 06, ấp TA, xã LT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, bà Chanh L có mặt; ông Chau S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/02/2020 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Néang Chanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà với ông Chau S được hình thành là do mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2014. Hôn nhân có đăng ký kết hôn trễ hạn ngày 26/6/2016 tại UBND xã LT, theo số 31/2016. Cuộc sống chung hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thống nhất lên Bình Dương làm thuê, nhưng ông S lười biếng không chí thú làm ăn, suốt ngày tụ tập bạn bè ăn nhậu và cờ bạc bỏ bê gia đình, không phụ giúp vợ nuôi con, mặc dù bà đã khuyên ngăn nhưng ông S không nghe lại còn nhiều lần đánh bà…Thời gian kéo dài, bà không thể chịu đựng được nữa nên hai người ly thân nhau từ đầu năm 2019. Từ khi ly thân đến nay gia đình hai bên bỏ mặt

không ai đứng ra hàn gắn, bà thì vẫn lo làm nuôi con, nhưng ông S điện thoại đe dọa bà và gia đình. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, bà xin ly hôn với ông Chau S.

Về quan hệ con chung: Bà với ông Chau S có 01 con chung tên Chau Sê, sinh ngày 29/6/2016, hiện do bà nuôi. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà với ông Chau S không có tài sản chung, không có nợ chung.

Ông Chau S được thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lời khai ngày 24/4/2020 ông Chau S trình bày: Hôn nhân giữa ông với bà L được hình thành là do tự tìm hiểu, chứ không qua mai mối và được cha mẹ đồng ý tổ chức đám cưới, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đôi khi ông có ăn nhậu với bạn bè rồi gây cãi và đánh bà L, nhưng ông không cố ý. Hiện ông với bà L ly thân nhau hơn 09 tháng nay và không ai đứng ra hàn gắn, nhưng ông xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông xin được đoàn tụ lại với bà L.

Về quan hệ con chung: Đúng là ông với bà L có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như bà L trình bày, nhưng nếu như Tòa án quyết định cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của bà L.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu, riêng ông Chau S có đơn xin vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Quá trình chung sống ông Chau S thừa nhận có bỏ bê công việc, ăn nhậu dẫn đến gây cải đánh bà L, nên bà L xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung Chau Sê, hiện do bên bà L nuôi, bà L có việc làm và thu nhập, trong khi ông S không có việc làm ổn định… nên giao cháu Sê cho bà L tiếp tục nuôi, công nhận tự nguyện của bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà L, ông S xác định không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà L khởi kiện: "Tranh chấp ly hôn" với ông S, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông

S có địa chỉ cư trú tại xã LT, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền.

Ông Chau S đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa, nhưng ông có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt ông Chau S theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông S kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31/2016, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình. Thể hiện, do ông Chau S lười biếng bỏ bê công việc, không quan tâm gia đình, tụ tập ăn nhậu, kiếm chuyện gây cãi và đánh bà…. Trình bày của bà L được ông S thừa nhận và xác định lỗi về mình.

Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện TT, thể hiện: Ông Chau S có hành vi dùng điện thoại đe doạ bà L làm cho bà sống trong lo âu… Bà L – ông S cũng thừa nhận từ khi ly thân đến nay gia đình hai bên bỏ mặt không đứng ra hàn gắn…

Với những chứng cứ thu thập đối chiếu với trình bày tại tòa và thừa nhận của ông Chau S tại biên bản lời khai ngày 24/4/2020, xét mâu thuẫn giữa bà L – ông Chau S đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Chau Sê, sinh ngày 29/6/2016 từ sau khi sinh do bà L nuôi, hiện tại cháu Sê được ông bà ngoại trực tiếp chăm sóc, nhưng bà L là người có công việc làm và thu nhập ổn định, bà L lo chu cấp toàn bộ cho cháu Sê, trong khi ông S không có việc làm, gia đình ông hiện có mẹ ruột làm thuê ở xa, ở nhà chỉ còn bà ngoại hơn 80 tuổi, không có điều kiện nuôi con… Do đó, để không xáo trộn về tâm sinh lý cũng như để cho cháu Chau Sê phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên giao cháu Chau Sê cho bà L tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho ông Chau S biết: Trong thời gian nuôi con, bà L cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà L không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà L – ông S thống nhất xác định không có tài sản chung cũng không có nợ chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Néang Chanh L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang Chanh L được ly hôn với ông Chau S.

Về quan hệ con chung: Bà L được tiếp tục nuôi con chung tên Chau Sê, sinh ngày 29/6/2016.

Công nhận tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Chau S cấp dưỡng nuôi con.

Bà L cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông Chau S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà L – ông S xác định không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà L – ông S xác định không có nợ chung.

Về án phí: Bà Néang Chanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000078 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*bà L nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ